

Bài 1. Kéo thả các tiêu đề trong khung vào các mục phù hợp trên hình

1 Thanh bảng chọn

2 Thanh công cụ điều hướng

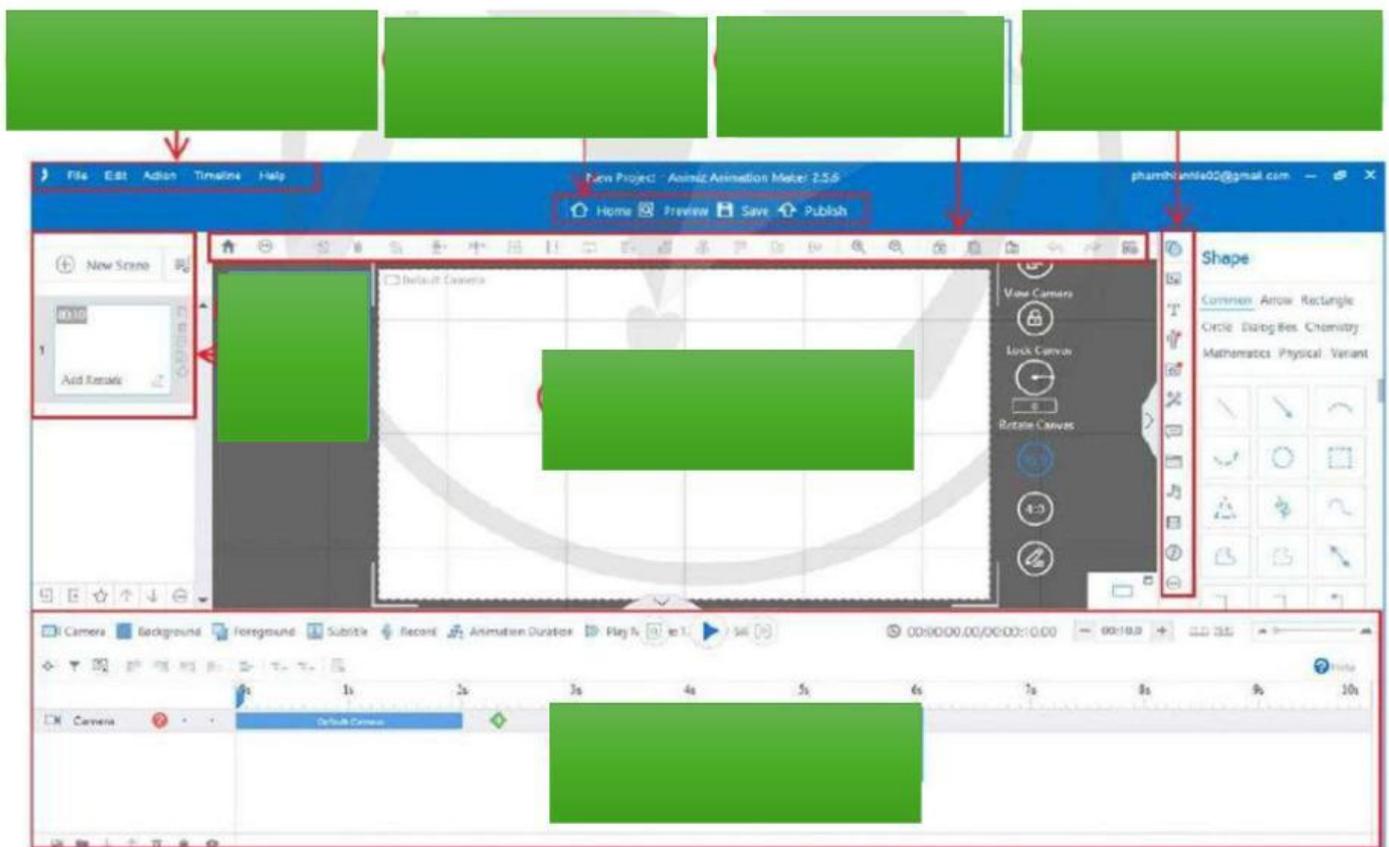
3 Thanh công cụ tiện ích

4 Vùng thiết đặt cảnh

7 Khung Timeline

6 Thanh đối tượng

5 Khung Canvas



BÀI 2. Hãy nối tên thành phần ở Cột A với chức năng tương ứng ở Cột B.

Cột A (Tên thành phần)	Cột B (Chức năng / Đặc điểm)
1. Thanh <u>bảng chọn</u>	A. Gồm các lệnh chọn đối tượng như hình (Shape), ảnh (Image), văn bản (Text), mẫu nhân vật, hiệu ứng, âm thanh...
2. Thanh công cụ điều hướng	B. Là nơi xem trước toàn bộ nội dung video, đưa các đối tượng vào dự án và thực hiện căn chỉnh.
3. Thanh công cụ tiện ích	C. Gồm các dải lệnh: File, Edit, Action, Timeline, Help.
4. Vùng thiết đặt cảnh	D. Hiển thị khung thời gian xuất hiện của các đối tượng; mỗi đối tượng nằm trên một dòng riêng biệt.
5. Khung Canvas	E. Gồm các lệnh thông dụng như Home (về giao diện bắt đầu), Preview (xem trước), Save (lưu), Publish (xuất bản).
6. Thanh đối tượng	F. Gồm các lệnh thêm, xoá, di chuyển các cảnh trong video.
7. Khung Timeline	G. Gồm các lệnh căn chỉnh đối tượng như sao chép, xoá, và các thao tác chỉnh sửa nhanh khác.